

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2025/DS-ST

Ngày: 29/8/2025

“V/v Tranh chấp Hợp đồng góp vốn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Vĩ;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Lập Đức - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, Hà Nội.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2025/DSST ngày 15/4/2025 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp vốn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXX – ST ngày 12/8/2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1974.**

Nơi ĐKKHKT: Số 24, ngõ 198 Ngọc L, phường Ngọc L, quận B, thành phố H.

Chỗ ở hiện nay: 15 ngách 101/1 Gia T, phường V, thành phố H.

*** Bị đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1975.**

Địa chỉ: Thôn Hương Gia, xã Phú C, huyện S, thành phố H.

(Nay là địa chỉ: Thôn H, xã N, thành phố H).

(Có mặt chị Hà, vắng mặt chị Dung).

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2024 và tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn trong vụ án là chị Hoàng Thị Thu H trình bày:

Năm 2021, chị quen biết chị Trần Thị D qua một người bạn, khoảng tháng 11/2021 chị Dung trao đổi, thuyết phục chị cùng góp tiền để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 2c, tờ bản đồ số 08, địa chỉ thôn Tân Trại, xã

Phú Cường, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Do đó, ngày 30/11/2021 chị đã chuyển khoản cho chị Dung vào số tài khoản 19035723928019 – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam số tiền 30.000.000đ. Đến ngày 28/12/2021, chị Dung gửi ảnh của Hợp đồng đặt cọc qua zalo cho chị thì chị mới biết người đặt cọc là ông Nguyễn Văn Bình, chị Dung không phải là người trực tiếp đặt cọc. Ngày 20/01/2022, chị gọi điện cho chị Dung thì chị Dung thông báo đã bán được mảnh đất trên cho người khác và chị được chia 20.000.000đ tiền lãi. Sau nhiều lần thúc giục trả tiền gốc và lãi thì đến ngày 06/5/2023 chị Dung mới trả cho chị số tiền lãi 20.000.000đ. Cũng từ đó đến nay chị đã liên hệ với chị Dung nhiều lần nhưng chị Dung vẫn không chịu trả số tiền gốc 30.000.000đ. Nay chị đề nghị Tòa án buộc chị Dung phải trả cho chị số tiền gốc đã nhận là 30.000.000đ và số tiền lãi chậm trả từ ngày 10/01/2023 là ngày chị Dung hẹn trả tiền đến ngày Tòa án xét xử vụ án với tổng số tiền lãi là 7.906.854 đồng.

*** Bị đơn – Chị Trần Thị D vắng mặt nhưng có lời khai trình bày:**

Chị xác nhận ngày 30/11/2021 chị đã nhận của chị Hoàng Thị Thu H 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) bằng hình thức nhận chuyển khoản qua Ngân hàng Techcombank, số tài khoản là 19035723928019 để đặt cọc mua thửa đất số 2c, tờ bản đồ số 08, địa chỉ thôn Tân Trại, xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Thửa đất này chị cũng không trực tiếp ký Hợp đồng đặt cọc mà thông qua người nhận đặt cọc là anh Vũ Quang Trường và anh Nguyễn Văn Bình, Hợp đồng đặt cọc ký ngày 28/12/2021. Thời điểm nhận tiền của chị Hà, giữa chị và chị Hà có thỏa thuận miệng sẽ trả tiền gốc và lãi sau khi bán được đất nhưng giữa hai bên cũng không thỏa thuận việc trả tiền lãi cụ thể như thế nào. Đến tháng 01/2022 chị đã bán được mảnh đất trên được 44 triệu đồng tiền lãi, sau khi tính toán thì mỗi người được 14 triệu đồng. Tuy nhiên, do công việc gặp khó khăn nên chị chưa trả tiền lãi và gốc cho chị Hà ngay sau khi bán được đất như đã thỏa thuận trước đó. Sau nhiều lần chị Hà đòi tiền thì ngày 10/01/2023 thì chị đã nhắn tin hẹn chị Hà trong tháng 02/2023 sẽ trả toàn bộ tiền lãi và gốc cho chị Hà nhưng do không có tiền nên đến ngày 06/5/2023 chị mới chuyển cho chị Hà 20.000.000đ tiền lãi trong đó có 14.000.000 đồng tiền lãi chị Hà được hưởng và chị tự nguyện cho thêm chị Hà 6.000.000đ.

Chị xác nhận việc thỏa thuận góp vốn để đặt cọc giữa chị và chị Hà đã chấm dứt từ thời điểm chị bán được miếng đất nêu trên vào khoảng tháng 01/2022 (chị không nhớ chính xác ngày và không có tài liệu để cung cấp cho Tòa các Hợp đồng đặt cọc, Hợp đồng mua bán). Hiện tại chị còn giữ của chị Hà 30.000.000đ tiền gốc. Chị xác nhận kể từ ngày 10/01/2023 đây là số tiền chị còn nợ chị Hà.

Nay chị Hà khởi kiện đòi chị số tiền 30.000.000đ thì chị đồng ý trả. Tuy nhiên, do không có tiền để trả ngay cho chị Hà nên chị đề nghị mỗi tháng trả cho chị Hà 3.000.000đ, việc trả nợ bắt đầu thực hiện từ 30/9/2025 cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ gốc. Đối với số tiền lãi thì chị không đồng ý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, Nguyên đơn, bị đơn kê từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 117, 119, 385, 423 và 427 Bộ luật dân sự 2015; Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thu H đối với chị Trần Thị D. Buộc chị Trần Thị D có nghĩa vụ trả cho chị Hoàng Thị Thu H số tiền góp vốn còn nợ là 30.000.000đ và 7.470.000đ tiền lãi chậm thanh toán kể từ tháng 02/2023 đến tháng 08/2025.

Về án phí: Chị Dung phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Chị Hà được hoàn trả lại tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 26/02/2024, chị Hoàng Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Trần Thị D phải trả lại số tiền gốc đã nhận để góp vốn đặt cọc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và số tiền lãi chậm trả. Chị Trần Thị D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Hương Gia, xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (Nay là địa chia thôn Hương Gia, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội). Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội) đã thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng góp vốn” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Trần Thị D theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị Dung đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Dung theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Hoàng Thị Thu H khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị D có nghĩa vụ trả số tiền góp vốn còn nợ là 30.000.000đ. Nhận thấy, mặc dù giữa chị Hà và chị Dung không ký Hợp đồng góp vốn nhưng thông qua các cuộc gọi, tin nhắn, lời khai của các bên thì có căn cứ xác định giữa hai bên đã giao kết bằng lời nói, theo đó chị Hà góp số tiền 30.000.000đ cho chị Dung để nhận đặt cọc

chuyển nhượng thửa đất số 2c, tờ bản đồ số 08, địa chỉ thôn Tân Trại, xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Thực tế chị Hà đã chuyển cho chị Dung số tiền 30.000.000đ qua số tài khoản 19035723928019 – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam mang tên chị Dung. Việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 117, 119 Bộ luật dân sự nên có hiệu lực bắt buộc đối với các bên. Chị Hà và chị Dung đã thống nhất chấm dứt việc góp vốn từ ngày 10/01/2023, chị Dung đã hẹn trong tháng 02/2023 sẽ trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi cho chị Hà nhưng đến nay chị Dung mới trả cho chị Hà 20.000.000đ tiền lãi, còn nợ 30.000.000đ tiền gốc nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ.

[3] Quá trình giải quyết vụ án chị Dung đề nghị được trả cho chị Hà số tiền 30.000.000 theo từng tháng, việc trả tiền được thực hiện bắt đầu từ tháng 09/2025 cho đến khi trả hết nợ nhưng chị Hà không đồng ý. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà, buộc chị Dung phải trả số tiền 30.000.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự.

[4] Đối với số tiền chậm thanh toán: Chị Hà yêu cầu chị Dung phải thanh toán số tiền chậm thanh toán từ ngày 10/01/2023. Do chị Dung vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 02/2023. Mặt khác, giữa các bên không thỏa thuận về mức lãi suất chậm thanh toán nên căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự cần chấp nhận yêu cầu trả lãi của chị Dung từ tháng 02/2023 đến ngày 28/8/2025 với mức lãi suất 10% tương ứng với thời gian chậm thanh toán từ tháng 02/2023 đến tháng 08/2025. $(30.000.000đ \times 0,83 \times 30 \text{ tháng})$ là 7.470.000đ.

Về án phí: Do yêu cầu của chị Hà được chấp nhận nên chị không phải chịu tiền án phí, chị Dung phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 217 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 117, 119, 385, 423 và 427 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thu H đối với chị Trần Thị D. Buộc chị Trần Thị D có nghĩa vụ trả cho chị Hoàng Thị Thu H số tiền góp vốn còn nợ là 30.000.000đ và 7.470.000đ tiền lãi chậm thanh toán.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu

không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Chị Dung phải chịu 1.873.500đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Hà được hoàn lại số tiền 973.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Hà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Dung có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7, Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 7, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tùng

Trong trường hợp này tài sản của chị Dòn là diện tích $149,5\text{m}^2$ và $1/3$ kỷ phần là $49,83\text{m}^2$ đất chị Dòn hưởng quyền thừa kế di sản của ông Sự. Theo quy định của pháp luật, chị Dòn chỉ có quyền định đoạt khối tài sản là $199,33\text{ m}^2$ ($149,5\text{m}^2 + 37,37\text{m}^2$).